

Sổ này đóng theo từng khóa học và có số thứ tự danh bạ. Đối với những trường có từ dưới 1.000 sinh viên học sinh, thì đóng một quyển chung cho toàn trường về mỗi khóa học.

Đối với những trường lớn có từ trên 1.000 sinh viên học sinh thì đóng cho mỗi khóa một quyển. Nội dung chi tiết sẽ theo mẫu thống nhất.

Sổ danh bạ có tính chất tổng hợp các mặt, giúp cho việc theo dõi tìm hiểu người sinh viên học sinh được nhanh, gọn và toàn diện. Sổ này là tài liệu lưu trữ chính, không những giúp nhà trường theo dõi sinh viên học sinh trong khi học tập tại trường, mà còn giúp nhà trường theo dõi, nắm vững được số cán bộ trường mình đào tạo ra, trên cơ sở đó có thể biết được chất lượng các khóa học.

Mặt khác, sổ này còn có tác dụng đề cung cấp tài liệu về những sinh viên học sinh đã ra trường, mỗi khi cần thiết; và góp phần với các cơ quan nhà nước trong việc quản lý số cán bộ khoa học kỹ thuật do các trường đại học và chuyên nghiệp trung cấp đào tạo ra.

Ngoài 4 tài liệu chính trên đây, để giúp cho việc theo dõi được chính xác, cụ thể, các trường cần có những phiếu theo dõi về mỗi sinh viên học sinh, như:

a) Phiếu thăm tra do địa phương gửi tới, nhằm xác minh lại những vấn đề chính về lịch sử bản thân và gia đình sinh viên học sinh;

b) Phiếu theo dõi quá trình học tập ở nhà trường, nhằm ghi lại tất cả những biểu hiện tốt, xấu về mọi mặt của mỗi sinh viên học sinh, để có cơ sở nhận xét tổng kết cuối năm, ghi vào học bạ và sổ danh bạ.

Tất cả các hồ sơ trên đây đều do Phòng tổ chức (bộ phận quản lý sinh viên học sinh) của nhà trường chịu trách nhiệm trước Ban Giám hiệu về việc tổ chức ghi chép, quản lý và bảo vệ.

Khi sinh viên học sinh tốt nghiệp ra trường, chỉ trường sẽ chuyển tất cả các hồ sơ, lý lịch cho các cơ quan mới sử dụng và quản lý; Nhà trường chỉ cần lưu trữ quyển sổ danh bạ là đủ.

Để công tác quản lý sinh viên học sinh dần dần đi vào nề nếp, các trường cần kiểm tra và sắp xếp lại các hồ sơ sinh viên học sinh, có kế hoạch bổ sung những hồ sơ còn thiếu và tiến hành đăng ký sinh viên học sinh vào sổ danh bạ. Đối với những trường lớn, nên đăng ký trước những sinh viên học sinh khóa sắp tốt nghiệp ra trường, trong năm 1962, sau sẽ làm tiếp đến sinh viên học sinh các khóa khác.

Các trường đại học cần hoàn thành việc sắp xếp, bổ sung hồ sơ sinh viên và đăng ký tất cả sinh viên vào sổ danh bạ, vào cuối năm 1962.

Hà nội, ngày 26 tháng 3 năm 1962

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

THÔNG TƯ SỐ 10-TT/MN 28-3-1962

giải thích và hướng dẫn thi hành thông tư số 27-TTg ngày 3-3-1962 của Thủ tướng Chính phủ quy định các chế độ, tiêu chuẩn trợ cấp cho học sinh, sinh viên miền Nam học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp và đại học.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành thông tư số 27-TTg ngày 3-3-1962 quy định các chế độ, tiêu chuẩn trợ cấp cho học sinh, sinh viên miền Nam học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp và đại học. Sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ Nội vụ, Tài chính, Lao động, Y tế và Ủy ban Thống nhất, Bộ Giáo dục giải thích và hướng dẫn thêm một số điểm cụ thể để các địa phương, các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học thống nhất nhận thức và thực hiện.

I. TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP

1. Chế độ trợ cấp:

Các chế độ trợ cấp trước đây cho học sinh, sinh viên miền Nam ở các trường đại học, chuyên nghiệp trung cấp và trường bổ túc ngoại ngữ chuẩn bị đi học nước ngoài nay bãi bỏ và thay thế bằng các loại trợ cấp 1, 2, 3, 4, 5, đã được quy định trong thông tư số 27-TTg ngày 3-3-1962 của Thủ tướng Chính phủ. Riêng đối với học sinh miền Nam học ở trường bổ túc ngoại ngữ, những học sinh sau khi xét không nằm trong diện được trợ cấp loại 1, 2, 3 thì được hưởng trợ cấp theo chế độ chung của trường.

2. Tiêu chuẩn trợ cấp:

Những tiêu chuẩn để xét trợ cấp cho sinh viên học sinh miền Nam học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, bổ túc ngoại ngữ đều áp dụng theo điều 1, 2, 3, 4, 5 trong thông tư số 27-TTg đã quy định, nay giải thích thêm:

a) Tiêu chuẩn trợ cấp loại 1:

— Học sinh, sinh viên là con cán bộ miền Nam tập kết mà bố hoặc mẹ hy sinh trong lúc làm nhiệm vụ được cơ quan, đơn vị xác nhận là liệt sĩ, tử sĩ.

— Học sinh, sinh viên miền Nam nguyên trước là nhân viên đã tham gia kháng chiến (không thoát ly gia đình và không kể thời gian nhiều hay ít) tập kết theo tiêu chuẩn bản thân bao gồm những học sinh, sinh viên không được hưởng sinh hoạt phí trên lương và sinh hoạt phí thống nhất (32d80).

— Học sinh, sinh viên miền Nam trong kháng chiến gia đình mang theo hoặc gửi vào cơ quan nhờ cơ quan quản lý và giáo dục, hòa bình lập lại theo gia đình hoặc theo cơ quan tập kết ra Bắc đều không nằm trong diện được xét trợ cấp loại 1.

b) Tiêu chuẩn trợ cấp loại 2: Học sinh, sinh viên miền Nam ra Bắc trước hay sau hòa bình không bằng đường tập kết như vượt tuyến, tự túc nhưng không có bố mẹ ở miền Bắc.

c) *Tiêu chuẩn trợ cấp loại 3*: Học sinh, sinh viên là con cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết, thu nhập bình quân nhân khẩu hàng tháng trong gia đình từ 20 đồng trở xuống ở nông thôn và từ 22 đồng trở xuống ở thị xã và thành phố.

d) *Tiêu chuẩn trợ cấp loại 4*: Học sinh, sinh viên là con cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết, bình quân nhân khẩu hàng tháng trong gia đình từ 20đ10 đến 25đ00 ở nông thôn và từ 22đ10 đến 30 đồng ở thị xã và thành phố.

e) *Tiêu chuẩn trợ cấp loại 5*: Học sinh, sinh viên là con cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết bình quân nhân khẩu trong gia đình từ 25đ10 đến 35đ00 ở nông thôn và từ 30đ10 đến 40đ00 ở thị xã và thành phố.

g) Những học sinh, sinh viên miền Nam đã có vợ hoặc có chồng, nếu chồng hay vợ có tiền lương hoặc có cơ sở sản xuất thì căn cứ vào mức thu nhập bình quân nhân khẩu trong gia đình (gia đình riêng được xây dựng) và xét trợ cấp theo các loại 3, 4, 5.

3. Cách tính thu nhập, nhân khẩu và chia bình quân:

Đề thống nhất cách tính bình quân nhân khẩu của gia đình học sinh, sinh viên miền Nam trong khi chế độ trợ cấp cho học sinh miền Nam ở các trường phổ thông, bổ túc văn hóa và bổ túc công nông chưa được sửa đổi, sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ hữu quan và Ủy ban Thống nhất, nay quy định như sau:

a) Cách tính tiêu chuẩn bình quân ở thị xã, thành phố và nông thôn:

Học sinh, sinh viên miền Nam có gia đình ở thị xã các tỉnh một số thị trấn có khu công nghiệp lớn như Việt-tri, Ninh-giang... và ở những địa phương có phụ cấp khu vực từ 10% trở lên thì được tính bình quân như ở thành phố.

Ngoài những nơi nói trên, các địa phương khác đều tính theo tiêu chuẩn ở nông thôn.

Trường hợp học sinh, sinh viên có bố ở thành phố, mẹ ở nông thôn hoặc ngược lại, thì tiêu chuẩn bình quân tính theo nơi ở của người có mức lương cao hơn. Học sinh, sinh viên có vợ hay có chồng thì tiêu chuẩn bình quân tính theo nơi ở của người vợ hay người chồng đang công tác hoặc nơi sản xuất.

b) Cách tính nhân khẩu:

Ngoài những người được tính nhân khẩu đã nêu ở điểm a mục III trong thông tư 27-TTg ngày 3-3-1962 của Thủ tướng Chính phủ những người mà gia đình trực tiếp phải nuôi dưỡng cũng được tính nhân khẩu.

Những người sau đây không được tính nhân khẩu: người gia đình thuê mướn để giúp việc, để coi trẻ, người đã ra công tác hoặc sản xuất.

Vi dụ: Gia đình ông A có: 2 vợ chồng, 2 người con trực tiếp phải nuôi, 1 người con được trợ cấp loại 2 ở trường học sinh miền Nam (cấp II), 1 con được trợ cấp loại 3 ở ngoại trú (cấp I), 1 con học đại học, 1 mẹ già mất sức lao động. Như thế gia đình ông A có 8 người được tính nhân khẩu.

c) Cách tính thu nhập và chia bình quân:

Thu nhập trong gia đình của học sinh, sinh viên gồm có: lương hàng tháng của bố mẹ học sinh, sinh viên và các khoản thu nhập thường xuyên khác.

Vi dụ: Lấy gia đình ông A nói trên làm ví dụ:

Thu nhập của gia đình ông A, công tác ở thành phố gồm có:

— Lương ông A	= 85đ00
— Phụ cấp khu vực 12%	10đ20
— Lương bà A	50đ00
— Phụ cấp khu vực 12%	6đ00
— Tiền trợ cấp của người con thứ ba	5đ00
— Tiền trợ cấp của người con học ngoại trú	12đ00
— Tiền Chính phủ đài thọ hàng tháng cho người con học trường miền Nam loại 2	17đ50

Cộng: 185đ70

Theo cách tính thu nhập và nhân khẩu nói trên thì bình quân nhân khẩu trong gia đình ông A là 185đ70: 8 người = 23đ21.

Như vậy con ông A học ở đại học được xét trợ cấp loại 4, hàng tháng được cấp 18đ00.

Vi dụ 2: Cũng theo cách tính thu nhập, nhân khẩu ở điểm a, b, c tiêu mục 3 nói trên để xét cho gia đình ông B ở nông thôn.

Gia đình ông B có: 2 vợ chồng, 2 người con phải nuôi, 1 người con học trường miền Nam (cấp 2) được trợ cấp loại 1, 1 người con học ngoại trú (cấp 1) được trợ cấp loại 2 (16đ00), 1 người con học chuyên nghiệp trung cấp, 1 người con học đại học. Gia đình ông B có 8 người được tính nhân khẩu và thu nhập trong gia đình gồm có:

— Lương ông B	= 64đ00 (không có khu vực)
— Lương bà B	45đ00 (" ")
— Tiền trợ cấp con học ngoại trú loại 2	16đ00
— Tiền Chính phủ đài thọ cho người con học trường miền Nam loại 1	22đ00
— Tiền trợ cấp con thứ 3	5đ00

Cộng: 152đ00

1967/1006
 +845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bình quân nhân khẩu trong gia đình ông B là :
 $152d00 : 8 \text{ người} = 19d00$

Như vậy 2 con ông B học trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, hàng tháng mỗi người được trợ cấp loại 3 (26d80).

Những trường hợp cần chú ý :

1. Bản thân học sinh, sinh viên được tính vào nhân khẩu, nhưng tiền học bổng không tính vào thu nhập của gia đình.

2. Trường hợp gia đình có nhiều con học trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, sau khi những người con được trợ cấp mà mức bình quân lại cao hơn mức bình quân của 1 gia đình có con đi học không được trợ cấp (bình quân từ 35d10 ở nông thôn và 40d10 ở thành phố, thì chỉ xét trợ cấp cho 1 hay 2 người để việc trợ cấp được hợp lý hơn, bảo đảm không quá mức bình quân đã định.

Ví dụ: Gia đình ông C có 1 người con học chuyên nghiệp trung cấp, 1 người con học đại học, (ông C không có vợ) gia đình ông C được tính 3 nhân khẩu ở thành phố :

-- Lương ông C = 95d00
 -- Phụ cấp khu vực 12% 11d40
 Cộng : 106d40

Bình quân của gia đình ông C : $106d40 : 3 = 35d46$

Như vậy 2 con ông C học trường chuyên nghiệp trung cấp và đại học đều được trợ cấp loại 5 ($12d.00 \times 2 = 24d.00$). Bình quân gia đình ông C sau khi 2 con được trợ cấp : $(106d.40 + 24.đ00) : 3 = 43d.46$ cao hơn mức bình quân của một gia đình có con học không được trợ cấp.

Trường hợp này, nếu 2 con ông C đều học trường đại học, thì trường đại học nào có con ông C học năm thấp nhất xét trợ cấp loại 5 cho người đó. Nếu 1 người học đại học, 1 người học chuyên nghiệp trung cấp thì người học trường đại học do trường đại học xét cấp loại 5, người học trường chuyên nghiệp trung cấp không cấp.

II. CÁC CHẾ ĐỘ KHÁC

1. Sách giáo khoa và giáo trình :

Học sinh, sinh viên miền Nam không phân biệt được hay không được trợ cấp đều được cấp giáo trình không phải trả tiền, riêng về sách giáo khoa tùy tình hình và khả năng của trường cho mượn học. Cuối mỗi năm học, học sinh, sinh viên phải trả lại cho trường. Trường hợp sách bị mất mát, hư hỏng nhà trường xét và giải quyết theo nội quy đã định.

2. Chế độ khám và chữa bệnh :

Học sinh, sinh viên miền Nam được hay không được trợ cấp, khi ốm đau đều được khám bệnh và điều trị ở các bệnh viện nhân dân địa phương. Tiền bồi dưỡng thuốc men do nhà trường thanh toán theo tiêu chuẩn đã quy định.

3. Chế độ nghỉ phép :

Vấn đề đi phép năm không đặt ra đối với học sinh, sinh viên miền Nam, nhưng riêng đối với học sinh, sinh viên thuộc loại 1 không có cha mẹ ở miền Bắc, trường hợp đặc biệt lâu ngày không được đi thăm viếng bà con thân thuộc, nhà trường có thể xét cho đi phép và cấp tiền tàu xe (cả lần đi lẫn về). Thời hạn đi phép do nhà trường quy định và mỗi năm chỉ được thanh toán 1 lần.

4. Vệ sinh phí, thai sản cho nữ sinh :

— Vấn đề trợ cấp thai sản cho nữ sinh không đặt ra, nhưng trường hợp đặc biệt, trường có thể xét giải quyết theo phạm vi và khả năng nếu có.

— Đối với nữ sinh được trợ cấp từ loại 1 đến loại 5, ngoài số tiền trợ cấp hàng tháng, mỗi nữ sinh được cấp thêm 5 hào vệ sinh phí. Thời gian cấp phát kể từ tháng có quyết định được sắp xếp phân loại trợ cấp.

III. NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG TRỢ CẤP

Theo tinh thần thông tư số 27-TTg ngày 3-5-1962 của Thủ tướng Chính phủ, những trường hợp sau đây không trợ cấp.

1. Học sinh, sinh viên miền Nam có bố hoặc mẹ ở miền Bắc, thu nhập bình quân nhân khẩu hàng tháng trong gia đình từ 35d.10 trở lên ở nông thôn và từ 40d.10 trở lên ở thị xã, thành phố và địa phương có phụ cấp khu vực từ 10% trở lên không trợ cấp.

2. Học sinh, sinh viên miền Nam tập kết ra Bắc theo tiêu chuẩn tự túc, hồi hương và ra Bắc trước ngày hòa bình lập lại, có bố hoặc mẹ ở miền Bắc, thì không trợ cấp theo chế độ học sinh, sinh viên miền Nam. Trường hợp gia đình học sinh, sinh viên gặp khó khăn thì tùy hoàn cảnh cụ thể của từng người nhà trường xét cấp học bổng theo chế độ chung của trường.

3. Đối với học sinh, sinh viên miền Nam bị bệnh kinh niên, cố tật sau khi đã điều trị và an dưỡng nhưng không thể học được nữa, hoặc học sinh, sinh viên vì lý do nào đó mà bỏ học, xin đi công tác, sản xuất v.v... thì hiện nay còn nhiều khó khăn và mắc mưu trong lúc giải quyết. Vì vậy cần phải có cuộc họp giữa các Bộ có trách nhiệm để bàn biện pháp giải quyết. Trong khi chờ đợi có văn bản chính thức, thì trường có thể cho thôi học, nếu có bố mẹ thì trả về gia đình và trợ cấp theo tinh thần thông tư 042/TTg ngày 12-2-1959 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp không có bố mẹ ở miền Bắc thì trường báo cáo về cơ quan quản lý nhà trường, để cơ quan đó cùng với Vụ Đại học và Phòng quản lý học sinh miền Nam liên hệ với các Bộ hữu quan giải quyết cho đi công tác, sản xuất hoặc cho đi an dưỡng dài hạn và trợ cấp theo tinh thần thông tư 042/TTg ngày 12-2-1959 và các chế độ hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH

1. Phổ biến chủ trương:

Để thi hành tốt chính sách đối với học sinh, sinh viên miền Nam, Bộ Giáo dục yêu cầu các cấp, các cơ quan, đoàn thể phổ biến rộng rãi tinh thần thông tư số 27-TTg ngày 3-3-1962 của Thủ tướng chính phủ và thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục trong cán bộ, đồng bào trong cơ quan, trong ngành. Đề nghị các cấp các ngành có trường đại học, chuyên nghiệp trung cấp theo dõi lãnh đạo các trường trong việc xét duyệt và quyết định cấp phát.

Các cán bộ, công nhân, nhân viên miền Nam có con học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, bổ túc ngoại ngữ có trách nhiệm làm bản kê khai (có cơ quan đơn vị xác nhận) và gửi về cơ quan đúng thời gian đã quy định.

2. Kế hoạch thực hiện.

a) Phần học sinh, sinh viên:

— Học sinh, sinh viên miền Nam học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, bổ túc ngoại ngữ phải làm bản kê khai theo mẫu do nhà trường hướng dẫn và nhắc nhở gia đình kê khai rõ ràng cụ thể và gửi về nhà trường đúng thời gian đã quy định.

— Đối với học sinh, sinh viên miền Nam là con gia đình tử sĩ, liệt sĩ, mồ côi cha mẹ, con thương binh tàn phế loại tỷ lệ thương tật cao nhất đang hưởng trợ cấp theo luật bảo hiểm xã hội (tức loại 1, 2 trước đây); học sinh, sinh viên miền Nam đã tham gia kháng chiến hoặc tập kết theo tiêu chuẩn gia đình nhưng không có bố mẹ ở miền Bắc phải có đủ giấy tờ hợp lệ có sự xác nhận của Hội đồng hương tỉnh và Ủy ban Thống nhất.

— Học sinh, sinh viên miền Nam có bố hoặc mẹ là quân nhân tại ngũ, bản kê khai thu nhập do đơn vị (cấp bộ có trách nhiệm cấp lương) xác nhận mức bình quân nhân khẩu và chịu trách nhiệm về việc xác nhận đó.

— Trường hợp kê khai không đúng để được trợ cấp cao hơn, sau khi phát hiện thì phải truy hoàn khoản tiền chênh lệch lại cho công quỹ.

b) Phần nhà trường:

— Các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, bổ túc ngoại ngữ cần tổ chức phổ biến giải thích sâu rộng trong học sinh, sinh viên tinh thần thông tư số 27-TTg và những điều quy định trong thông tư này, đồng thời có kế hoạch hướng dẫn học sinh, sinh viên làm bản kê khai để gửi về gia đình; quy định thời hạn nộp bản kê khai; phân loại và lập danh sách gửi về cơ quan quản lý nhà trường xét duyệt. Các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học thuộc Bộ Giáo dục thì gửi về Vụ Đại học, các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học thuộc các Bộ các cơ quan khác thì gửi về cơ quan quản lý nhà trường để cơ quan quản lý nhà trường xét duyệt.

— Lập bản dự trừ kinh phí để cấp phát cho học sinh, sinh viên sau khi đã được cơ quan trên xét duyệt.

— Sau khi hoàn thành việc phân loại trợ cấp cho học sinh, sinh viên miền Nam, các trường lập danh sách theo từng loại báo cáo về Vụ đại học và Phòng quản lý học sinh miền Nam trước ngày 31-5-1962.

— Cuối mỗi năm học, các trường cần tính lại mức thu nhập, nhân khẩu (thêm hay bớt) của gia đình học sinh, sinh viên được xét trợ cấp để thích hợp với tình hình và khả năng đóng góp của phụ huynh. Trường hợp cá biệt như học sinh, sinh viên mới được Trung ương xác nhận là con gia đình do Trung ương quản lý, bố mẹ học sinh, sinh viên chết hoặc gia đình gặp biến cố, bản thân học sinh, sinh viên không người nuôi dưỡng thì được xét giải quyết ngay trong niên học.

Việc xét trợ cấp cho hai trường hợp nói trên đều căn cứ vào các chế độ, tiêu chuẩn quy định trên đây để xét trợ cấp theo các loại 1, 2, 3, 4, 5 và cấp phát kể từ ngày ra quyết định.

3. Thời gian xét và cấp phát theo chế độ mới:

Các chế độ, tiêu chuẩn trợ cấp trên đây được áp dụng cho học sinh, sinh viên miền Nam học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học, trường bổ túc ngoại ngữ kể từ ngày 1-3-1962. Nhưng để đảm bảo thực hiện tốt việc cấp phát cho học sinh, sinh viên miền Nam, sau khi thống nhất ý kiến với các Bộ hữu quan, Bộ Giáo dục quy định như sau:

a) Đối với học sinh, sinh viên miền Nam học ở các trường chuyên nghiệp trung cấp, đại học (năm I, II, III...) trường bổ túc ngoại ngữ, là con tử sĩ, liệt sĩ mồ côi cha mẹ được cơ quan cho đi tập kết, con thương binh tàn phế, con gia đình do Trung ương quản lý, con cán bộ đi an dưỡng dài hạn, nếu hồ sơ, lý lịch đã được xác minh rõ ràng thì trường lập danh sách gửi về cơ quan quản lý nhà trường để cơ quan quyết định trợ cấp loại 1 theo chế độ mới kể từ ngày 1-3-1962.

Đối với học sinh, sinh viên đang hưởng trợ cấp loại 1 (Phổ thông và Bổ túc công nông vào học năm thứ I) và học sinh, sinh viên đang hưởng trợ cấp 26d80 (năm II, III v.v...) không có bố mẹ ở miền Bắc, nếu hồ sơ lý lịch đã được xác minh rõ ràng thì trường lập danh sách gửi về cơ quan quản lý nhà trường để quyết định trợ cấp loại 2 theo chế độ mới kể từ 1-3-1962.

Trường hợp những học sinh, sinh viên tuy nằm trong diện nói trên, nhưng lý lịch chưa được xác minh thì tạm trợ cấp theo chế độ cũ, sau khi có bản kê khai hợp lệ sẽ được xét và trợ cấp theo chế độ mới và được truy lĩnh số tiền chênh lệch từ 1-3-1962.

b) Đối với học sinh, sinh viên có bố hay mẹ ở miền Bắc thì tạm trợ cấp theo chế độ cũ cho đến khi có bản kê khai (theo thời gian đã định) được xét vào loại nào thì trợ cấp theo loại đó. Nếu mức

trợ cấp mới cao hơn hoặc thấp hơn (hoặc không được trợ cấp) so với mức trợ cấp cũ thì cũng không truy lĩnh, không truy hoàn và cấp phát theo chế độ mới kể từ ngày 1-5-1962 (kể cả số không được trợ cấp).

c) Trường hợp học sinh, sinh viên có bố mẹ không nộp đủ bản kê khai theo thời gian đã quy định với lý do không chính đáng thì tạm ngừng cấp phát cho đến khi có bản kê khai hợp lệ được xét duyệt.

d) Học sinh, sinh viên không nằm trong diện được trợ cấp, gia đình phải đài thọ cho con ăn học kể từ ngày 1-5-1962 trở đi.

e) Những học sinh, sinh viên miền Nam được trợ cấp loại 5 và không được trợ cấp lưu trú ở các ký túc xá, phải đóng đủ tiền ăn hàng tháng theo quy định của trường.

g) Tiền trợ cấp của học sinh, sinh viên miền Nam (loại 1,2,3,4,5) được cấp suốt trong năm học (kể cả những tháng nghỉ hè).

h) Thời gian quy định phân loại xét duyệt trợ cấp cho học sinh, sinh viên miền Nam phải hoàn thành trước ngày 30-4-1962.

Hà nội, ngày 28 tháng 3 năm 1962

Bộ trưởng Bộ Giáo dục
NGUYỄN VĂN HUYỀN

CHỈ THỊ số 13-CT/TDVS ngày 9-4-1962 về việc phát triển thể thao quốc phòng.

Kính gửi : Các Vụ, Viện, Phòng thuộc Bộ,
Các Khu, Sở, Ty Giáo dục,
Trường trung cấp thể dục thể thao

Theo nghị quyết Đại hội lần thứ 3 của Đảng vạch ra, thì việc tăng cường và củng cố lực lượng quốc phòng, bao gồm việc xây dựng lực lượng hậu bị vững mạnh, làm nguồn bổ sung và hậu thuẫn cho việc xây dựng quân đội chính quy, hiện đại, là một nhiệm vụ to lớn của toàn Đảng toàn dân ta.

Ngày 28 tháng 2 năm 1962, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị số 38-CT/TƯ nói về việc tăng cường công tác thể thao quốc phòng, trong đó nhấn mạnh thanh niên học sinh là một đối tượng chủ yếu.

Để thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ giao cho, dựa vào đường lối xây dựng quân đội và yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay; căn cứ vào khả năng của ngành Giáo dục, ngày 5 tháng 8 năm 1961, Bộ đã cùng Bộ Quốc phòng thống nhất ra chỉ thị số 35/LB nêu rõ việc giáo dục thể thao quốc phòng cho học sinh, sinh viên.

Trong năm học 1961—1962 Bộ cũng đã tiến hành thi điểm huấn luyện thể thao quốc phòng ở một số trường có kết quả tốt. Thêm vào đó, phong trào cũng đã bắt đầu nẩy nở ở một số trường trong các tỉnh thành, như các đội nghiệp dư bắn súng, thông tin, mô hình máy bay v.v...

Để phát triển phong trào mạnh mẽ và rộng rãi hơn nữa, Bộ quy định, bắt đầu từ năm học 1962—1963 trở đi, môn thể thao quốc phòng coi như các môn khác trong chương trình giáo dục của các Trường phổ thông cấp 3.

Việc học tập sẽ tiến hành vào nội khóa, thời gian mỗi tuần phải đảm bảo 1 giờ 30 phút, cuối năm sẽ có kiểm tra, sát hạch thi lên lớp.

Riêng đối với các trường cấp 2, không chủ trương phát triển vào nội khóa. Nhưng các địa phương cần nghiên cứu kết hợp với tình hình, khả năng của mình, tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan thể dục thể thao và quân sự địa phương, tổ chức ngoại khóa ở mỗi trường một số môn thích hợp như bắn súng thông tin, mô hình máy bay v.v...

Để chuẩn bị tốt cho việc phát triển thể thao quốc phòng trong năm học sắp tới, Bộ yêu cầu các Khu, Sở, Ty và trường thể dục thể thao chú ý thực hiện ngay các vấn đề chính sau đây :

1. Về chương trình tài liệu :

Bộ ủy nhiệm cho Trường trung cấp thể dục thể thao kết hợp với Vụ Thể thao quốc phòng của Ủy ban Thể dục thể thao trung ương, căn cứ vào yêu cầu của nhiệm vụ giáo dục, đồng thời kết hợp với những kinh nghiệm rút ra được ở các trường thi điểm, nghiên cứu làm một chương trình học tập thể thao quốc phòng thích hợp cho các trường cấp 3, biên soạn các tài liệu cần thiết để gửi cho các địa phương.

2. Chuẩn bị đào tạo và bồi dưỡng cán bộ :

Bộ sẽ mở một lớp bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên các trường cấp 3 và sư phạm, mỗi trường cấp 3 được cử một giáo viên về học. Thời gian từ 1 tháng 7 đến 30 tháng 7-1962 ở Trường trung cấp thể dục thể thao Hà Đông. Các địa phương cần có kế hoạch phân phối cán bộ, bố trí việc học tập, nghỉ ngơi, để các đồng chí đó về dự lớp huấn luyện đúng thời gian quy định.

Ngoài ra, các Khu, Sở, Ty cần bố trí thêm các giáo viên khác giảng dạy một số môn thích hợp và vận dụng lực lượng cán sự học sinh để đáp ứng với yêu cầu về cán bộ của môn học.

3. Về chuẩn bị cơ sở vật chất :

Để chuẩn bị tốt về cơ sở vật chất kịp cho năm học mới, các địa phương cần dự trù về kinh phí chi tiêu thích đáng, chủ yếu là mua sắm các thứ phương tiện cần thiết như : súng, đạn, giấy, vải, v.v... Cần kết hợp tinh thần tự lo tự sắm của nhà trường và học sinh để giảm nhẹ ngân sách cho Nhà nước.